



**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

Quản lý xây dựng theo đồ án Quy hoạch xây dựng vùng huyện Phú Ninh giai đoạn đến năm 2030

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày /6/2021
của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam)*

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Đối tượng áp dụng.

1. Quy định này hướng dẫn việc quản lý, phát triển, quy hoạch các đô thị, nông thôn, các công trình hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật theo Quy hoạch xây dựng vùng huyện Phú Ninh giai đoạn đến năm 2030 được duyệt.

2. Quy định này áp dụng đối với tất cả các tổ chức, các nhân thực hiện việc quản lý phát triển đô thị và nông thôn, đầu tư xây dựng trên địa bàn huyện Phú Ninh đảm bảo theo đúng đồ án được duyệt.

3. Quy định này là cơ sở pháp lý để các cơ quan quản lý kiến trúc, quy hoạch xây dựng cấp tỉnh và huyện thực hiện chức năng quản lý quy hoạch, làm căn cứ để xác lập nhiệm vụ và nội dung quy hoạch đô thị, nông thôn, quy hoạch xây dựng các khu chức năng trên địa bàn huyện.

Điều 2. Nguyên tắc lập quy định quản lý.

Quy định quản lý được lập trên cơ sở đồ án Quy hoạch xây dựng vùng huyện Phú Ninh giai đoạn đến năm 2030 được UBND tỉnh Quảng Nam phê duyệt và tuân thủ quy định tại Điều 9 Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng.

Chương II QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 3. Phạm vi, ranh giới, quy mô dân số, đất đai vùng quản lý.

1. Phạm vi ranh giới.

a) Phạm vi vùng quản lý: toàn bộ địa giới hành chính huyện Phú Ninh. Tổng diện tích đất tự nhiên: 255,65 km², với 11 đơn vị hành chính (10 xã và 01 thị trấn).

b) Ranh giới:

- Phía Đông: giáp thành phố Tam Kỳ;

- Phía Tây: giáp huyện Tiên Phước;
- Phía Nam: giáp huyện Bắc Trà My và huyện Núi Thành;
- Phía Bắc: giáp huyện Thăng Bình.

2. Quy mô dân số.

- Hiện trạng năm 2018: dân số toàn huyện khoảng 80.762 người; trong đó, dân số đô thị khoảng 4.289 người, nông thôn khoảng 76.473 người. Tỷ lệ đô thị hóa đạt 5,31%.

- Đến năm 2025: dân số đạt khoảng 86.600 người; trong đó, dân số đô thị khoảng 7.000 người, nông thôn khoảng 79.600 người. Tỷ lệ đô thị hóa đạt 8,08%.

- Đến năm 2030: dân số đạt khoảng 90.104 người; trong đó, dân số đô thị khoảng 10.000 người, nông thôn khoảng 80.104 người. Tỷ lệ đô thị hóa đạt 11,09%.

Điều 4. Quy định về các vùng phát triển, các không gian phát triển kinh tế.

1. Quy định đối với vùng, không gian phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp.

- Định hướng vùng, không gian phát triển công nghiệp trên địa bàn huyện theo quy hoạch phát triển cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh đến năm 2025, có xét đến năm 2035.

- Vùng phát triển công nghiệp của huyện gồm: Khu công nghiệp Phú Xuân, Cụm công nghiệp Tam Đàn, Cụm công nghiệp Chợ Lò, Cụm công nghiệp Phú Mỹ, Cụm công nghiệp Đồi 30, Cụm công nghiệp Tam Dân, Cụm công nghiệp Tam Lộc, Cụm công nghiệp Hòa Bình.

- Các cụm công nghiệp được quản lý phù hợp với Đề án thành lập, quy hoạch chi tiết cụm công nghiệp được phê duyệt và quy định hiện hành.

2. Quy định đối với vùng, không gian phát triển nông nghiệp.

a) Định hướng vùng, không gian phát triển nông nghiệp trên địa bàn huyện phù hợp với Chương trình hành động triển khai thực hiện đề án “Tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững”; Quy hoạch phát triển chăn nuôi gia súc, gia cầm tập trung trên địa bàn tỉnh đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 và Quyết định 5174/QĐ-UBND ngày 20/10/2017 của UBND huyện Phú Ninh phê duyệt quy hoạch phát triển ngành nông nghiệp huyện Phú Ninh.

b) Vùng, không gian phát triển nông nghiệp trên địa bàn huyện gồm:

- Vùng sản xuất tập trung sản xuất theo mô hình công nghệ cao; vùng sản xuất lâm nghiệp - trồng rừng gỗ lớn; vùng phát triển cây dược liệu - nghệ, gừng, sa nhân, cà gai leo, đinh lăng; vùng sản xuất rau thực phẩm.

+ Quy hoạch vùng sản xuất tập trung ứng dụng công nghệ cao: đến năm 2030, định hướng toàn huyện Phú Ninh có khoảng 645,31 ha đất sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, phân bố tập trung ở 8 xã Tam Thành, Tam An, Tam Đàn, Tam Thái, Tam Dân, Tam Vinh, Tam Lộc, Tam Phước.

+ Vùng trồng rừng gỗ lớn: tổng diện tích đến năm 2030 khoảng 2.100 ha; phân bố tại các xã Tam Lãnh, Tam Lộc, Tam Dân;

+ Vùng cây dược liệu: tổng diện tích đến năm 2030 khoảng 151 ha; phân bố tại các xã Tam Thành, Tam Lộc, Tam Lãnh, Tam Vinh, Tam Đại;

+ Vùng sản xuất rau thực phẩm: tổng diện tích đến năm 2030 là 208 ha; phân bố tại các xã Tam Thành, Tam An, Tam Đàn, Tam Thái, Tam Dân, Tam Phước, Tam Vinh, Tam Lộc, Tam Đại, Tam Lãnh và thị trấn Phú Thịnh.

- Cơ sở chăn nuôi tập trung: gồm các khu chăn nuôi gia trại, trang trại. Định hướng đến năm 2025 và năm 2030, toàn huyện Phú Ninh có 16 cơ sở chăn nuôi tập trung với tổng diện tích khoảng 528,24 ha; tập trung tại các xã Tam Vinh, Tam Lộc, Tam Thành, Tam Dân, Tam Lãnh.

3. Quy định đối với vùng, không gian phát triển thương mại - dịch vụ.

a) Định hướng vùng, không gian phát triển thương mại - dịch vụ trên địa bàn huyện theo Quy hoạch phát triển ngành thương mại tỉnh và chủ trương về phát triển du lịch tỉnh.

b) Vùng, không gian phát triển thương mại - dịch vụ trên địa bàn huyện gồm:

- Mạng lưới chợ: quy hoạch thêm 04 chợ, gồm Chợ Tam Vinh, Chợ Tam Đại, Chợ Lò, Chợ Xuân Trung.

- Thương mại dịch vụ, dân cư: Khu Thương mại dịch vụ dọc Quốc lộ 1A; thị trấn Phú Thịnh, vùng phụ cận và dọc tuyến đường ĐT616; Khu dân cư - Thương mại dịch vụ dọc Quốc lộ 40B (khu vực Tam Dân, Tam Thái); Khu dân cư - Thương mại dịch vụ dọc đường ĐT615 (khu vực Tam An, Tam Phước); Khu dân cư - Thương mại dịch vụ vùng phụ cận Hồ Phú Ninh.

- Du lịch: hình thành và phát triển Tour du lịch sinh thái hồ Phú Ninh - Thác Trắng, Hàm Hô - Mỏ vàng Bồng Miêu, chọn du lịch hồ Phú Ninh làm trọng tâm để tạo sự lan tỏa và gắn kết với các điểm văn hóa, lịch sử trên địa bàn.

Du lịch di tích: ngoài các điểm du lịch sinh thái, tại địa phương có nhiều điểm di tích lịch sử quy mô lớn, có giá trị nhân văn cao, như: Đình Chiên Đàn, Tháp Chiên Đàn, Nhà lưu niệm Phan Châu Trinh, Khu di tích lịch sử Hang Dơi và Gành Gấu, Khu kháng chiến Hạ Lào.

- Các khu vực trung tâm xã đầu tư phát triển các cơ sở dịch vụ, lưu trú với vai trò là đầu mối, trung tâm mang tầm cỡ khu vực, phát triển các điểm thu mua, buôn bán nông lâm sản tạo thành chuỗi kết nối trong nội vùng với ngoài vùng.

- Tại các cụm công nghiệp phát triển hạ tầng thương mại bán lẻ phục vụ công nhân tại các cụm công nghiệp có khu nhà ở công nhân, các loại hình thương mại chủ yếu bao gồm: cửa hàng tiện lợi, khu dịch vụ tổng hợp. Bên cạnh đó hình thành các hoạt động thương mại bán lẻ nội khu hoặc ngoại khu ở các dự án xây dựng khu dân cư, cụm công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp.

- Tại các khu du lịch tập trung phát triển các loại hình hạ tầng thương mại đặc trưng phục vụ nhu cầu mua sắm của khách du lịch như: các khu ẩm thực, khu mua sắm quà lưu niệm và mặt hàng truyền thống, khu trưng bày và mua bán đặc sản của huyện Phú Ninh.

Điều 5. Quy định về quản lý hệ thống đô thị và nông thôn.

1. Quy định về quản lý hệ thống đô thị.

- Định hướng phát triển hệ thống đô thị trên địa bàn huyện theo Quy hoạch xây dựng vùng tỉnh giai đoạn đến năm 2020 - 2030 và Chương trình phát triển đô thị của tỉnh.

- Đô thị Phú Ninh: đây là trung tâm chính trị, kinh tế, văn hoá - xã hội của huyện Phú Ninh, nơi tập trung các đầu mối giao lưu kinh tế, văn hóa, xã hội; đồng thời, là hạt nhân gắn kết các địa phương trên địa bàn huyện. Phát triển thị trấn theo hướng thương mại - dịch vụ - công nghiệp.

2. Quy định về quản lý hệ thống nông thôn.

- Trung tâm cụm xã: lập thủ tục, đề án xây dựng phát triển các khu trung tâm xã Tam Đàn, Tam Dân đạt một số tiêu chí của đô thị loại 5.

+ Cây Sanh - Tam Dân: trung tâm các xã vùng Tây;

+ Kỳ Lý - Tam Đàn: trung tâm các xã vùng Đông.

- Quản lý và xây dựng các xã theo Chương trình Mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới.

- Tiếp tục xây dựng hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật các trung tâm xã, điểm dân cư theo đồ án quy hoạch xây dựng nông thôn. Đầu tư sắp xếp bố trí dân cư, xây dựng các công trình phòng chống giảm nhẹ thiên tai, hoàn thành việc phát triển nhà ở kiên cố.

Điều 6. Quy định về các công trình hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội.

1. Quy định về các công trình hạ tầng kỹ thuật.

a) Quy định quản lý cao độ san nền:

- San nền xây dựng công trình bố trí tại các vị trí thuận lợi tránh những nơi có nguy cơ lũ quét, sạt lở, phải xác định cao độ san nền thiết kế cao hơn mực nước ngập.

- Cao độ không chế nền tối thiểu (Hxd) phải cao hơn mực nước tính toán (Htt) tối thiểu 0,3 m đối với đất dân dụng và 0,5 m đối với đất công nghiệp: $H_{xd} = H_{tt} + 0,3 \text{ m (0,5 m)}$.

- Đối với các khu vực đô thị:
 - + Khu dân cư: cao độ tính toán $H_{tt} \geq H_p$, đô thị loại V tính toán với $P = 10$ năm (10%);
 - + Khu sản xuất, cụm công nghiệp, kho tàng: cao độ tính toán $H_{tt} \geq H_p$; đô thị loại V tính toán với tần suất $P = 10$ năm (10%);
 - + Khu cây xanh, thể dục thể thao: cao độ tính toán $H_{tt} \geq H_p$; đô thị loại V tính toán với tần suất $P = 2$ năm (50%).
- Đối với khu vực dân cư nông thôn:
 - + Khu dân cư: cao độ xây dựng $H_{xd} \geq H_{maxTB}$ năm;
 - + Công trình công cộng: cao độ xây dựng $H_{xd} \geq H_{max} + 0,3$ m.

b) Quy định quản lý thoát nước:

- Hướng thoát nước chung toàn huyện từ Tây sang Đông, đối với từng khu vực dựa theo địa hình tự nhiên để tổ chức hướng thoát nước phù hợp.
- Xây dựng hệ thống thoát nước mặt trong khu vực đô thị, khu dân cư nông thôn, nạo vét, khơi thông các tuyến mương tiêu, các ao hồ tiêu nước trên địa bàn.
- Xây dựng hoàn thiện mương, cống thoát nước trên các tuyến giao thông huyết mạch.

c) Quy định quản lý công trình giao thông:

- Phát triển mạng lưới công trình giao thông theo hướng đồng bộ, hiện đại, đáp ứng yêu cầu phát triển ngày càng cao của xã hội; phù hợp với Quy hoạch phát triển giao thông vận tải tỉnh Quảng Nam đến năm 2020, định hướng đến năm 2030.
- Tập trung nguồn lực đầu tư nâng cấp các tuyến đường ĐH, đường ĐT615, ĐT616; điều chỉnh các tuyến giao thông phù hợp với tình hình thực tế. Tổng số tuyến ĐH là 15 tuyến, tổng chiều dài tuyến các tuyến ĐH là 141,48 km.

d) Quy định quản lý công trình cấp nước:

- Phát triển hệ thống công trình cấp nước theo hướng đồng bộ, hiện đại, sử dụng hợp lý nguồn nước mặt, phù hợp với xu thế mới; phù hợp với Kế hoạch phát triển cấp nước năm 2018 và giai đoạn 2018 - 2020 trên địa bàn tỉnh.
- Tập trung đầu tư nâng cấp Nhà máy nước Phú Thịnh đạt công suất 7.000 m³/ng.đ, cấp nước cho thị trấn Phú Thịnh và vùng phụ cận, các xã Tam Dân, Tam Thái, Tam Vinh và dọc đường ĐT616, Tam Phước, Tam Thành. Mở rộng cung cấp nước máy từ Nhà máy nước Tam Kỳ cho khu vực xã Tam Đan, Tam An và một số khu vực xã Tam Thái, Tam Đại.

e) Quy định quản lý công trình thủy lợi:

- Đầu tư xây dựng hoàn thiện hệ thống thủy lợi phục vụ sản xuất theo Quy hoạch nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện.

- Mạng lưới công trình thủy lợi theo Quy hoạch phát triển thủy lợi tỉnh.

g) Quy định quản lý công trình cấp điện:

- Phát triển hệ thống công trình cấp điện theo hướng đồng bộ, hiện đại đáp ứng nhu cầu điện sinh hoạt, sản xuất trên địa bàn huyện theo Quy hoạch phát triển điện lực tỉnh.

- Đầu tư hoàn thiện lưới điện nhằm chuyển sang vận hành ở cấp điện áp 22kV.

h) Quy định quản lý công trình thoát nước thải:

- Đối với khu vực đô thị Phú Thịnh và Vệt dân cư thương mại dịch vụ dọc Quốc lộ 1A quản lý theo đề án Quy hoạch chung đô thị và Quy hoạch nông thôn mới; đối với khu vực dân cư nông thôn phân bố tập trung: xây dựng hệ thống thoát nước chung, nước thải được xử lý bằng bể tự hoại sau đó đổ vào hệ thống thoát nước chung dẫn vào các lưu vực để được làm sạch tự nhiên.

- Đối với nước thải cụm công nghiệp: xây dựng hệ thống thoát nước riêng hoàn toàn (nước thải riêng, nước mưa riêng), mỗi cụm công nghiệp và Khu công nghiệp Phú Xuân xây dựng trạm xử lý nước thải tập trung, nước thải công nghiệp được xử lý đảm bảo tiêu chuẩn, quy chuẩn trước khi thải ra môi trường.

- Đối với nước thải y tế: xây dựng hệ thống xử lý nước thải cho Trung tâm y tế huyện. Nước thải y tế được xử lý và khử trùng trước khi thải ra môi trường để đảm bảo vệ sinh.

- Đối với nước thải chăn nuôi tập trung: xây dựng bể biogas và ao sinh học để xử lý chất thải.

i) Quy định quản lý công trình quản lý chất thải rắn:

- Trên địa bàn huyện Phú Ninh quy hoạch khu xử lý chất thải rắn tại xã Tam Vinh, diện tích 8 ha.

k) Quy định quản lý công trình nghĩa trang:

- Quy hoạch nghĩa trang nhân dân tỉnh với quy mô khoảng 60 ha tại xã Tam Lộc.

- Tiến hành đóng cửa 4 nghĩa trang tại Tam An, Tam Thái.

- Mở rộng 6 nghĩa trang tại các xã Tam Phước, Phú Thịnh, Tam Dân, Tam Lộc.

- Xây dựng mới 17 nghĩa trang phân bố các xã Tam Phước, Tam Dân, Tam Thành, Tam Đàn, Tam An, Tam Thái, Tam Đại, Tam Vinh, Tam Lộc, Tam Lãnh.

2. Quy định về các công trình hạ tầng xã hội.

- Quy định về trung tâm hành chính: Trung tâm hành chính huyện Phú Ninh được đặt tại đô thị Phú Thịnh, là trung tâm chính trị, kinh tế, văn hoá - xã hội của huyện Phú Ninh, nơi tập trung các đầu mối giao lưu kinh tế, văn hóa, xã hội; đồng thời, là hạt nhân gắn kết các địa phương trên địa bàn huyện. Phát triển thị trấn theo hướng thương mại - dịch vụ - công nghiệp.

- Quy định đối với mạng lưới công trình giáo dục - đào tạo:

+ tiếp tục đầu tư, nâng cấp cơ sở vật chất các trường học hiện có đảm bảo nâng cao chất lượng dạy và học cho các cấp học; bố trí quỹ đất xây dựng trường học các cấp đáp ứng yêu cầu theo từng giai đoạn phát triển;

+ Nghiên cứu quy hoạch phát triển các Trường Đại học quốc tế và cao đẳng nghề cấp khu vực tại những vị trí phù hợp trên địa bàn huyện Phú Ninh, từng bước hình thành đô thị giáo dục - đào tạo cấp quốc tế với hệ thống hạ tầng đồng bộ, liên kết với thành phố Tam Kỳ và các vùng phụ cận.

- Quy định đối với mạng lưới công trình y tế:

+ Tiếp tục phát triển nguồn lực về nhân lực, cơ sở vật chất, trang thiết bị, đảm bảo đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân;

+ Trung tâm y tế huyện và 100% các xã, thị trấn duy trì giữ vững chất lượng chuẩn quốc gia về y tế, đảm bảo nhiệm vụ chuyên môn theo quy định;

+ Đến năm 2030, nâng số giường tại Trung tâm y tế huyện lên 120 giường.

- Quy định đối với mạng lưới công trình văn hóa - thể thao:

+ Xây dựng nhà thi đấu để phục vụ nhu cầu thi đấu thể thao, giao lưu thể thao trong và ngoài huyện;

+ Giữ vững và nâng cao chất lượng các danh hiệu văn hóa, chuẩn nông thôn mới trên lĩnh vực văn hóa; phát huy tốt hiệu quả hoạt động thiết chế văn hóa - thể thao từ huyện đến cơ sở.

3. Quy định về các không gian cây xanh, mặt nước.

- Không gian cây xanh: trong quá trình xây dựng công trình hạ tầng kết hợp trồng cây xanh cảnh quan trên các tuyến đường giao thông, công trình công cộng, khu công viên, nhà văn hóa, trụ sở cơ quan, đảm bảo tỷ lệ đất trồng cây xanh theo quy định, tạo ra môi trường xanh, mỹ quan.

- Không gian mặt nước: xây dựng hệ thống kè phòng chống xói lở; xây dựng hồ điều hòa tại thị trấn, tạo cảnh quan sinh thái tự nhiên trong khu dân cư.

Điều 7. Quy định về phạm vi bảo vệ, hành lang an toàn đối với các công trình đầu mối, các công trình hạ tầng kỹ thuật chính theo tuyến mang tính chất

vùng, liên vùng và các biện pháp bảo vệ môi trường.

1. Quy định về phạm vi bảo vệ, hành lang công trình giao thông.

- Quy định quỹ đất dành cho kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ: tỷ lệ quỹ đất giao thông đô thị so với đất xây dựng đô thị phải đảm bảo theo tiêu chí đô thị loại V.

- Phát triển mạng lưới giao thông phải đa dạng hóa các loại hình giao thông, chú trọng giao thông công cộng.

- Đối với đường bộ: tuân thủ hành lang an toàn đường bộ theo quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; Quy chuẩn QCVN 07-4:2016/BXD - Công trình giao thông.

- Đối với đường thủy: tuân thủ hành lang bảo vệ luồng theo quy định của Luật Giao thông đường thủy nội địa và các quy định hiện hành.

2. Quy định về phạm vi bảo vệ, hành lang công trình cấp nước.

- Lựa chọn nguồn nước mặt từ các sông, hồ cung cấp nước cho các nhà máy, nguồn nước mặt phải đảm bảo theo Quy chuẩn, Tiêu chuẩn lựa chọn nguồn nước mặt - nước ngầm phục vụ hệ thống cấp nước sinh hoạt, đảm bảo lượng nước sinh hoạt theo quy định.

- Quy định về phạm vi bảo vệ, hành lang công trình cấp nước tuân thủ Quy chuẩn QCVN 07-1:2016 - Công trình cấp nước.

- Quy định về vùng bảo vệ nhà máy, trạm cấp nước: đảm bảo phạm vi, khoảng cách tối thiểu giữa các công trình hạ tầng kỹ thuật khác theo quy định.

3. Quy định về phạm vi bảo vệ, hành lang công trình thoát nước.

- Tổ chức mạng lưới thoát nước phù hợp với điều kiện địa hình. Hệ thống thoát nước được chia thành nhiều nhánh để thoát ra các sông.

- Quản lý xây dựng hệ thống thoát nước: xây dựng hệ thống thoát nước thải hoàn chỉnh ở tất cả các khu vực xây dựng mới. Đối với hệ thống thoát nước cải tạo, tùy theo tình hình thực tế tận dụng tối đa hiệu quả của các công trình hiện có.

- Quy định về phạm vi bảo vệ, hành lang công trình thoát nước tuân thủ Quy chuẩn QCVN 07-2:2016/BXD - Công trình thoát nước.

- Hành lang bảo vệ các công trình thủy lợi: theo quy định về khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi.

4. Quy định về phạm vi bảo vệ, hành lang công trình cấp điện.

- Phạm vi bảo vệ, hành lang công trình cấp điện tuân thủ quy định ngành điện và Quy chuẩn QCVN 07-5:2016/BXD - Công trình cấp điện.

- Phát triển hệ thống cấp điện phải có khả năng đáp ứng nhu cầu trước mắt và đảm bảo dự phòng phát triển cho tương lai.

- Công trình cấp điện đảm bảo đạt thông số kỹ thuật an toàn theo quy định.

5. Quy định về phạm vi bảo vệ, hành lang công trình quản lý chất thải rắn.

- Quản lý chất thải rắn tuân thủ quy định về quản lý chất thải rắn và phế liệu.

- Quy định về phạm vi bảo vệ, hành lang công trình rác thải tuân thủ các quy định tại Quy chuẩn QCVN 07-9:2016/BXD - Công trình quản lý chất thải rắn và nhà vệ sinh công cộng.

6. Quy định về phạm vi bảo vệ, hành lang công trình nghĩa trang.

- Quản lý hệ thống nghĩa trang tuân thủ quy định về xây dựng, quản lý và sử dụng nghĩa trang.

- Quy định về phạm vi bảo vệ, hành lang công trình nghĩa trang tuân thủ các quy định tại Quy chuẩn QCVN 07-10:2016/BXD - Công trình nghĩa trang.

7. Biện pháp bảo vệ môi trường.

- Tuân thủ Luật Bảo vệ môi trường và các quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường; đánh giá môi trường chiến lược trong đồ án quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị.

- Thực hiện các biện pháp tổng thể giải quyết các vấn đề môi trường, bao gồm: biện pháp kiểm soát ô nhiễm nguồn nước, biện pháp kiểm soát ô nhiễm không khí, giảm thiểu tác động đến môi trường đất, biện pháp quản lý chất thải rắn.

- Khu vực đô thị: bảo vệ cảnh quan, cải thiện giao thông đô thị; giảm thiểu tác động do thay đổi sử dụng đất, nâng cao chất lượng môi trường. Kiểm soát ô nhiễm môi trường đô thị, xử lý triệt để các tác nhân gây ô nhiễm môi trường.

- Khu vực nông thôn: hạn chế tác động của biến đổi khí hậu, kiểm soát ô nhiễm, giảm nhẹ tác động do việc tái định cư, thay đổi sử dụng đất.

Điều 8. Quy định về bảo tồn các di sản thiên nhiên, các công trình kiến trúc có giá trị, khu danh lam thắng cảnh, khu di tích lịch sử, văn hóa.

1. Quy định về bảo tồn các di sản thiên nhiên, khu danh lam thắng cảnh.

- Đối với hành lang các sông chính và các suối tự nhiên trong khu vực quản lý theo quy định về lập, quản lý hành lang bảo vệ nguồn nước.

- Đối với các khu danh lam thắng cảnh trong khu vực được khai thác theo hướng bảo tồn và tuân thủ theo QCVN 01:2019/BXD (sau này là QCVN 01:2021/BXD) Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Quy hoạch xây dựng, quy

hoạch chi tiết được duyệt và các quy định hiện hành.

2. Quy định về bảo tồn khu di tích lịch sử, văn hóa, các công trình kiến trúc có giá trị trong vùng.

- Thực hiện quản lý, bảo tồn và phát huy giá trị khu di tích theo quy định.
- Di tích xếp hạng cấp quốc gia gồm: Tháp Chiên Đàn, Đình Chiên Đàn, Nhà lưu niệm Phan Châu Trinh, Hồ Phú Ninh, Khu kháng chiến Hạ Lào và Phòng biên chính miền Nam Trung Bộ.

Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 9. Tổ chức thực hiện.

1. UBND huyện Phú Ninh có trách nhiệm:

- Công bố công khai quy hoạch được duyệt; quản lý giám sát việc thực hiện quy hoạch xây dựng theo quy định;
- Xây dựng chương trình, kế hoạch thực hiện quy hoạch xây dựng phát triển đô thị, nông thôn, khu chức năng theo quy hoạch xây dựng vùng huyện được duyệt theo quy định hiện hành;
- Lập kế hoạch rà soát, điều chỉnh các quy hoạch chung, quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết theo định kỳ theo quy định hiện hành của pháp luật; đồng thời, lập kế hoạch và hướng dẫn UBND các xã thực hiện việc rà soát, điều chỉnh các hồ sơ quy hoạch xây dựng xã nông thôn mới phù hợp theo định hướng quy hoạch xây dựng vùng huyện đã duyệt;
- Phối hợp với các Sở, ngành liên quan đề xuất giải pháp quản lý triển khai thực hiện quy hoạch; lập kế hoạch đầu tư xây dựng, huy động nguồn vốn đầu tư để thực hiện các công trình hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật cấp huyện.

2. Sở Xây dựng phối hợp, hướng dẫn UBND huyện Phú Ninh quản lý Quy hoạch xây dựng vùng huyện Phú Ninh được duyệt theo quy định.

3. Các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Giao thông vận tải, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Công Thương, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Thông tin và Truyền thông, Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Giáo dục và Đào tạo, Y tế, Lao động - Thương binh và Xã hội theo chức năng, nhiệm vụ được giao chịu trách nhiệm theo dõi, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát và phối hợp với UBND huyện Phú Ninh trong quá trình quản lý phát triển theo đúng quy hoạch được duyệt.

Quy định này có giá trị và được thi hành kể từ ngày ký. Những quy định trước đây trái với quy định này đều bãi bỏ./.